

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN VĂN YÊN  
TỈNH YÊN BÁI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 34/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 15- 7 -2022

V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN YÊN, TỈNH YÊN BÁI

**- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hương;

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Trần Hoài Sơn

2. Ông Phạm Thanh Châu Giang

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Minh Tuấn- Thư ký Toà án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Bích Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 57/2022/TLST-HNGĐ ngày 05-04-2022 về việc: “Ly hôn”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2022/QĐXX-ST ngày 14-6-2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 30/2022/QĐST-HNGĐ ngày 30-6-2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị H; sinh năm 1972;

Địa chỉ: Thôn S, xã Đ, huyện V, tỉnh Yên Bái; có mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Đ; sinh năm 1970;

Địa chỉ: Thôn S, xã Đ, huyện V, tỉnh Yên Bái; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện ngày 30 tháng 3 năm 2022 và những lời khai tiếp theo cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Lê Thị H trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn Đ trước khi kết hôn có tìm hiểu và tự nguyện, đăng ký kết hôn năm 1992 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện V, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, tính cách không phù hợp, vợ chồng không thống nhất được cách làm ăn kinh tế, anh Đ thường đi làm ăn xa thi thoảng mới về nhà. Chị H và anh Đ đã sống ly thân mỗi người một nơi từ khoảng tháng 4 năm 2015 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị H xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh Đ nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Chị H và anh Đ có 02 con chung Nguyễn Thị Hồng Q, sinh ngày 15 tháng 3 năm 1994 và Nguyễn Việt D, sinh ngày 30 tháng 9 năm 1998, các con đã trưởng thành. Chị H không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Chị H không yêu cầu Toà án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án Toà án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái đã nhiều lần báo gọi, gửi thông báo phiên hòa giải và trong quá trình giải quyết vụ án có gửi các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật cho anh Nguyễn Văn Đ nhưng anh Đ không có mặt theo yêu cầu của Toà án. Qua xác minh tại Công an xã Đ, huyện V, tỉnh Yên Bái thì hiện nay anh Đ vẫn đăng ký hộ khẩu tại thôn S, xã Đ, huyện V, tỉnh Yên Bái. Hiện nay anh Đ không cất tạm trú, tạm vắng hoặc chuyển khẩu đi đâu.

Tại biên bản lấy lời khai anh Nguyễn Trọng H là anh trai của anh Đ (Bút lục số 27) cho biết: “Anh Nguyễn Văn Đ và chị Lê Thị H kết hôn với nhau năm 1992, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện V, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn Đ và H sinh sống tại thôn S, xã Đ, huyện V, tỉnh Yên Bái. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, anh Đ thường đi làm ăn xa, ít về gia đình, vợ chồng đã sống ly thân. Chị H xin ly hôn anh Đ đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật; chị H và anh Đ có hai con chung, các con đã trưởng thành; Về tài sản chung, nợ chung: Chị H và anh Đ có hay không tôi không rõ. Anh H đã nhận thay anh Đ các văn bản tố tụng của Toà án và cam kết sẽ thông báo cho anh Đ biết để có mặt làm việc tại Toà án ”.

Biên bản xác minh tại trường thôn S, xã Đ thể hiện: Chị Lê Thị H và anh Nguyễn Văn Đ có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện V, tỉnh Yên Bái khoảng năm 1992, sau khi kết hôn chị H và anh Đ sinh sống tại thôn S, xã Đ, huyện V, tỉnh Yên Bái. Gần đây anh Đ thường đi làm ăn xa ít về gia đình. Chị H yêu cầu được ly hôn anh Đ, đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật; Về con chung chị H và anh Đ có hai con chung, các con đã thành niên; Về tài sản chung, nợ chung: Chị H và anh Đ có hay không trường thôn không rõ.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của các đương sự được đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị H; Xử cho chị Lê Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn Đ; Về con chung: Chị H và anh Đ có 02 con chung Nguyễn Thị Hồng Q, sinh ngày 15 tháng 3 năm 1994 và Nguyễn Việt D, sinh ngày 30 tháng 9 năm 1998, các con đã trưởng thành. Chị H không yêu cầu Toà án giải quyết, nên đề nghị HĐXX không xét. Về tài sản chung, nợ

chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội buộc chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Lê Thị H có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái giải quyết việc ly hôn của chị và anh Nguyễn Văn Đ. Theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đúng, đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Anh Nguyễn Văn Đ là bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn Đ.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh Đ trước khi kết hôn có tìm hiểu và tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện V, tỉnh Yên Bái quá trình lưu giữ đến nay chị H không còn Giấy đăng ký kết hôn. Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện V, tỉnh Yên Bái đã xác nhận chị Lê Thị H và anh Nguyễn Văn Đ năm 1992 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện V, tỉnh Yên Bái. Việc kết hôn đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật Hôn nhân và Gia đình. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh Đ là hợp pháp.

[3] Về mâu thuẫn vợ chồng, Hội đồng xét xử thấy: Quá trình chung sống chị H và anh Đ tính cách không phù hợp, bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng đã sống ly thân mỗi người một nơi từ khoảng tháng 4 năm 2015 đến nay. Từ đó vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã báo gọi anh Đ nhiều lần nhưng anh Đ đều vắng mặt. Do đó Tòa án không tiến hành hòa giải được. Qua xác minh tại gia đình anh Đ thì, chị H và anh Đ đã sống ly thân mỗi người một nơi từ năm 2015 đến nay, không ai quan tâm đến ai, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Từ những phân tích trên thấy yêu cầu ly hôn của chị H là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị H.

[4] Về con chung: Chị H và anh Đ có 02 con chung Nguyễn Thị Hồng Q, sinh ngày 15 tháng 3 năm 1994 và Nguyễn Việt D, sinh ngày 30 tháng 9 năm 1998, các cháu đã thành niên. Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử được chấp nhận.

[7] Về án phí: Chị Lê Thị H là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 227; Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn Đ.

2. Về án phí: Chị Lê Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai số AA/2021/0001424 ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái. Xác nhận chị Lê Thị H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Lê Thị H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Văn Đ vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện Văn Yên;
- Thi hành án DS huyện Văn Yên;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Nguyễn Thị Hương**